

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index tiếp tục giằng co trong ngày hôm nay và kết phiên tại mốc 1,305.36 điểm, giảm nhẹ hơn 2 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 11/18 ngành giảm điểm, trong đó ngành Tài nguyên cơ bản điều chỉnh sau phiên tăng mạnh hôm qua. Ở chiều ngược lại, ngành Hóa chất, Dầu khí, Truyền thông tăng tốt nhất. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Lực bắt đáy tại 1,300 khá tốt khi VN-Index luôn giằng co trên ngưỡng này. Chúng tiếp tục duy trì quan điểm VN-Index có thể trở về 1,315.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 28/02/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **-2.44** điểm, đóng cửa tại **1305.36** điểm. HNX-Index **-0.20** điểm, đóng cửa tại **239.19** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GVR (+0.69)**, **NVL (+0.25)**, **EIB (+0.23)**, **PLX (+0.19)**, **VTP (+0.19)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VCB (-0.92)**, **HPG (-0.68)**, **LPB (-0.42)**, **FPT (-0.35)**, **MBB (-0.29)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **16,830** tỷ đồng, giảm **-5.09%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 18,631 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 8.11 điểm. Thị trường có **193** mã tăng, **85** mã tham chiếu, **265** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-985.18** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm HPG (-115.84 tỷ), TPB (-102.05 tỷ), VHM (-99.35 tỷ), MSN (-76.52 tỷ), VCB (-60.47 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-62.23** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.08%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - NLG (+4.36%)**
 - POW (+2.08%)**
 - PVS (+1.42%)** [\(Link báo cáo\)](#)
- BSC50 **+0.06%**. Các mã diễn biến tích cực:
 - VTP (+4.13%)**
 - NKG (+2.91%)** [\(Link báo cáo\)](#)
 - EIB (+2.40%)** [\(Link báo cáo\)](#)

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.08%	0.06%	-0.19%	-0.53%
1 tuần	0.96%	1.44%	0.66%	0.20%
1 tháng	1.72%	6.42%	3.19%	1.41%
3 tháng	1.39%	6.93%	4.39%	3.44%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,305.36	239.19	99.58
% 1D	-0.19%	-0.08%	-0.23%
GTGD (tỷ VND)	16,830	1,097	822
%1D	-5.09%	-11.73%	-4.44%
GDNN (tỷ VND)	-985.18	-62.23	-23.84

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VPB	47.40	HPG	-115.84
NLG	44.95	TPB	-102.05
CTG	36.35	VHM	-99.35
GVR	25.75	MSN	-76.52
GEX	25.37	VCB	-60.47

Thị trường thế giới

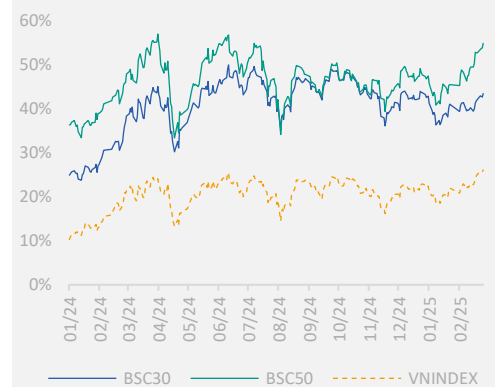
		%D	%W
SPX	5,862	-1.59%	-4.18%
FTSE100	8,752	-0.04%	1.07%
Eurostoxx	5,446	-0.06%	-0.34%
Shanghai	3,321	-1.98%	-1.72%
Nikkei	37,153	-2.90%	-4.21%

Nguồn: Bloomberg

	Giá trị	%
Hàng hóa		
Giá dầu Brent	72.90	-0.71%
Giá vàng	2,860	-0.90%
Tỷ giá		
USD/VND	25,745	0.02%
EUR/VND	27,329	-0.67%
JPY/VND	175	0.00%
Lãi suất		
LS TPCP 10Y	3.1%	0.01%
LS LNH 1M	4.8%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



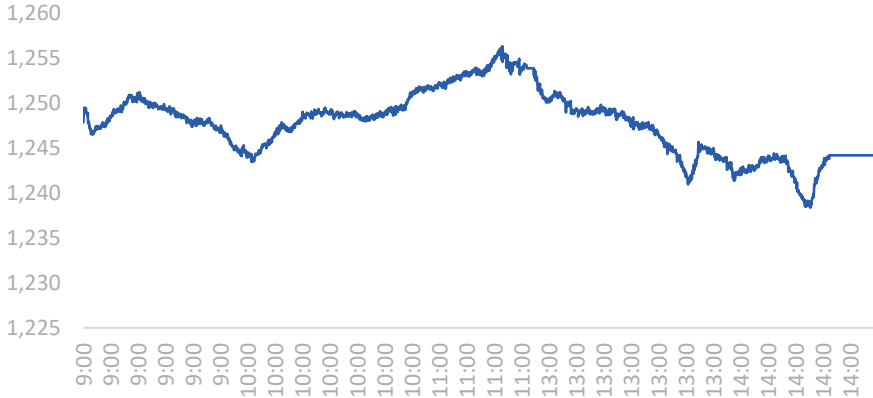
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2509	1358.00	-0.56%	46	70%	9/18/2025	200
VN30F2504	1356.00	-0.62%	389	33%	4/17/2025	46
VN30F2503	1357.00	-0.51%	203,877	20%	3/20/2025	18
VN30F2506	1356.90	-0.56%	31	-66%	6/19/2025	109

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 -7.19 điểm, đóng cửa tại 1356.43 điểm. Biên độ dao động 12.53 điểm. Các cổ phiếu như LPB, HPG, FPT, TCB, MBB tác động tiêu cực đến nhịp vận động của VN30.
- VN30 chìm trong sắc đỏ trong suốt thời gian giao dịch của phiên do chịu áp lực bán chủ yếu tới từ khối ngoại. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2506. Xét về vị thế mở, các HĐTL đều giảm, ngoại trừ VN30F2504.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVRE2409	3/28/2025	28	100	-86.44%	2.00	90	80.0%	3.85	2.36	17.40	17.40
CVHM2504	6/30/2025	122	314,000	-86.53%	4.45	550	27.9%	18.41	5.55	41.20	41.20
CVRE2408	8/14/2025	167	1,000	-76.09%	2.00	720	16.1%	5.15	4.16	17.40	17.40
CVRE2405	4/28/2025	59	735,900	-85.75%	1.90	290	16.0%	7.76	2.48	17.40	17.40
CVNM2505	6/30/2025	122	100	-83.83%	6.78	820	13.9%	13.88	10.06	62.20	62.20
CVRE2406	7/28/2025	150	786,900	-81.26%	1.90	340	13.3%	3.88	3.26	17.40	17.40
CVHM2410	3/28/2025	28	7,200	-87.26%	4.80	90	12.5%	7.28	5.25	41.20	41.20
CVIC2407	6/30/2025	122	17,500	-83.50%	4.90	380	11.8%	7.28	6.80	41.20	41.20
CVRE2502	5/26/2025	87	240,300	-80.00%	1.70	890	11.3%	7.86	3.48	17.40	17.40
CVPB2401	5/21/2025	82	253,200	-83.27%	1.99	650	8.3%	9.12	3.23	19.30	19.30
CVHM2501	5/26/2025	87	600,600	-81.55%	4.20	680	7.9%	7.41	7.60	41.20	41.20
CVRE2503	10/27/2025	241	67,900	-75.06%	1.80	1,270	7.6%	7.83	4.34	17.40	17.40
CVRE2504	6/30/2025	122	31,600	-82.30%	1.79	1,290	7.5%	15.64	3.08	17.40	17.40
CVRE2407	11/4/2025	249	164,600	-73.10%	1.60	1,540	6.9%	7.93	4.68	17.40	17.40
CVPB2407	7/28/2025	150	713,700	-82.28%	2.10	330	6.5%	4.31	3.42	19.30	19.30
CVPB2412	6/30/2025	122	80,100	-84.78%	2.28	330	6.5%	8.53	2.94	19.30	19.30
CHPG2509	8/5/2025	158	13,200	-75.11%	2.80	1,390	6.1%	8.42	6.97	28.00	28.00
CVIB2501	5/26/2025	87	70,300	-81.40%	2.00	930	5.7%	9.39	3.86	20.75	20.75
CHPG2508	10/23/2025	237	102,100	-72.71%	2.70	2,470	5.6%	12.69	7.64	28.00	28.00
CVIC2501	5/26/2025	87	217,700	-79.85%	4.00	860	4.9%	7.45	8.30	41.20	41.20

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 28/02/2025, các chứng quyền biến động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.
- CVRE2409 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 80.00%. CVHM2408 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.65%.
- CFPT2404, CTCB2504, CVHM2503, CVPB2504, CTCB2404 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CFPT2402, CFPT2403, CVIB2503, CVHM2504, CSTB2503 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh
anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
SSI	26.30	0.77%	0.26
VIB	20.75	0.48%	0.18
VRE	17.40	1.16%	0.17
VIC	41.20	0.37%	0.16
VHM	41.20	0.37%	0.15

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
LPB	36.15	-1.63%	-1.56
HPG	28.00	-1.58%	-1.45
FPT	140.30	-0.71%	-0.88
TCB	26.10	-0.57%	-0.64
MBB	23.00	-0.86%	-0.62

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG
Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GVR	33.40	2.14%	0.69	4.00
NVL	10.60	4.95%	0.25	1.95
EIB	21.30	2.40%	0.23	1.86
PLX	43.55	1.40%	0.19	1.27
VTP	153.90	4.13%	0.19	0.12

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VCB	93.30	-0.74%	-0.92	5.59
HPG	28.00	-1.58%	-0.68	6.40
LPB	36.15	-1.63%	-0.42	2.99
FPT	140.30	-0.71%	-0.35	1.47
MBB	23.00	-0.86%	-0.29	6.10

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
KSV	219.00	4.78%	1.31	0.20
PVS	35.60	1.42%	0.15	0.48
DHT	89.80	3.22%	0.15	0.08
DTK	13.00	2.36%	0.13	0.68
HGM	340.00	4.26%	0.11	0.01

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HUT	16.80	-1.18%	-0.11	0.89
NTP	64.70	-1.82%	-0.10	0.14
MVB	22.90	-6.53%	-0.10	0.11
KSF	40.20	-0.99%	-0.07	0.30
NVB	11.40	-0.87%	-0.07	1.17

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
MSH	47.50	6.98%	0.06	0.50
HHV	10.75	6.97%	0.08	9.46
BMC	21.60	6.93%	0.00	0.44
VRC	8.81	6.92%	0.01	0.15
STG	43.95	6.80%	0.07	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

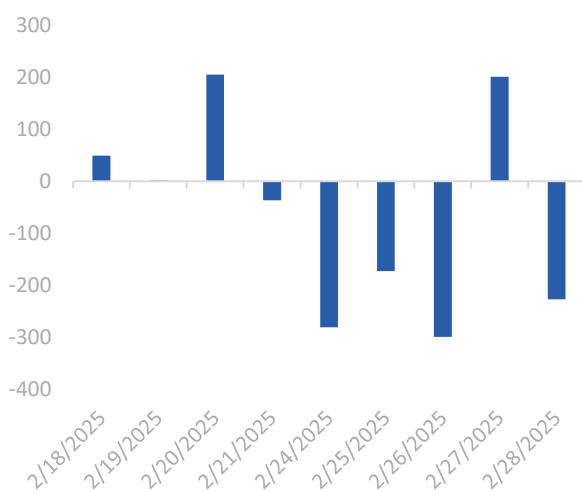
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
HVN	10.00	-6.98%	-0.01	1.92
HAG	10.75	-6.93%	-0.19	35.41
HHS	8.61	-6.92%	-0.05	3.41
NHA	23.55	-6.92%	-0.02	1.42
DXV	4.59	-6.90%	0.00	0.01

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

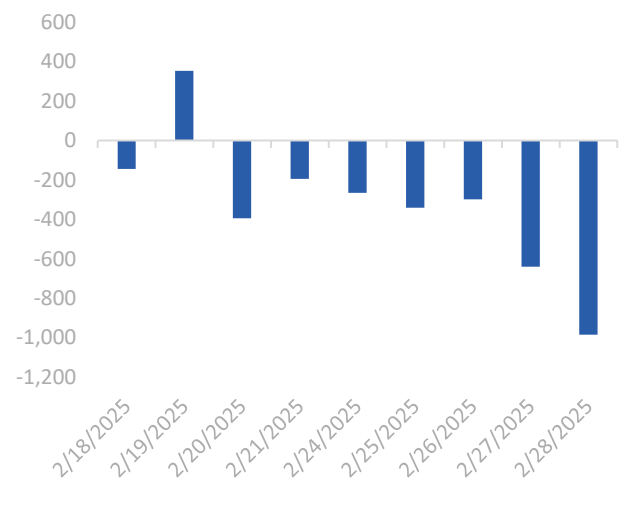
	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BPC	14.40	9.92%	0.01	0.03
DTC	8.90	9.88%	0.01	0.00
HTC	5.60	9.80%	0.02	0.06
PIA	23.90	9.63%	0.14	0.00
PCT	34.00	8.97%	0.05	0.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DAE	12.80	-9.86%	-0.01	0.00
HMR	21.10	-9.83%	-0.04	0.20
CMS	18.40	-9.80%	-0.17	0.61
TXM	6.50	-9.72%	-0.02	0.04
MCO	12.20	-9.63%	-0.02	0.05

Hình 1
Giao dịch tự doanh


Nguồn: FiinProX, BSC Research

Hình 2
Giao dịch khối ngoại


Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã CK	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	93.3	-0.7%	0.5	521,462	207.0	6,053	15.4		22.8%	
BID	Ngân hàng	41.0	0.0%	0.9	282,453	124.8	3,575	11.5	47,000	16.8%	Link
VPB	Ngân hàng	19.3	0.0%	0.9	153,125	179.7	1,989	9.7	25,500	24.9%	Link
FPT	Công nghệ	140.3	-0.7%	1.0	206,391	972.1	5,365	26.2	163,000	44.4%	Link
TCB	Ngân hàng	26.1	-0.6%	1.1	184,393	423.9	3,054	8.6	31,400	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	23.0	-0.9%	0.9	140,352	284.0	3,729	6.2	26,300	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	38.3	-0.1%	1.2	72,110	215.0	5,351	7.2		22.3%	
CTG	Ngân hàng	41.5	0.0%	1.0	222,855	233.0	4,719	8.8		26.7%	
ACB	Ngân hàng	26.0	-0.4%	0.7	116,133	257.9	3,759	6.9		30.0%	
SSI	Chứng khoán	26.3	0.8%	1.6	51,597	1107.5	1,536	17.1		38.9%	
IDC	BĐS KCN	57.2	-0.4%	1.2	18,876	48.0	6,050	9.5		21.9%	
HPG	VLXD	28.0	-1.6%	1.2	179,095	709.0	1,879	14.9	37,500	21.5%	Link
HSG	VLXD	19.1	-0.5%	1.6	11,830	165.1	935	20.4	22,700	9.2%	Link
VHM	BĐS	41.2	0.4%	1.1	169,225	380.0	7,286	5.7		12.1%	
KDH	BĐS	33.5	0.0%	1.1	33,873	65.3	862	38.9		36.7%	
NLG	BĐS	34.7	4.4%	1.5	13,362	189.9	1,331	26.1		41.4%	
DGC	Hóa chất	111.5	0.6%	1.5	42,345	281.8	7,870	14.2	111,400	16.9%	Link
DCM	Phân bón	35.4	-0.8%	1.7	18,714	62.7	2,518	14.0	41,100	5.7%	Link
GAS	Dầu khí	68.0	0.0%	0.6	159,302	53.8	4,439	15.3	83,100	1.7%	Link
PVS	Dầu khí	35.6	1.4%	1.2	17,016	171.3	2,473	14.4	40,300	18.8%	Link
PVD	Dầu khí	24.8	0.8%	1.4	13,758	185.1	1,252	19.8	29,900	9.6%	Link
POW	Tiện ích	12.3	2.1%	1.0	28,688	103.7	535	22.9		3.7%	
VHC	Thủy sản	71.9	0.7%	1.3	16,138	80.5	5,496	13.1	70,000	26.8%	Link
GMD	Logistics	60.7	-1.0%	1.0	25,129	81.3	4,634	13.1		43.9%	
VNM	Bán lẻ	62.2	0.0%	0.5	129,995	343.1	4,494	13.8		50.5%	
MSN	Bán lẻ	67.7	-1.0%	1.4	97,376	266.5	1,345	50.4		25.5%	
MWG	Bán lẻ	58.3	-0.5%	1.4	85,205	342.8	2,544	22.9		45.2%	
PNJ	Bán lẻ	94.0	-0.7%	0.8	31,763	54.4	6,305	14.9	111,500	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	39.8	1.3%	2.0	8,723	115.9	2,042	19.5	41,800	19.0%	Link
CTR	Công nghệ	120.4	0.0%	1.4	13,772	60.0	4,709	25.6		8.3%	

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Mã CK	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (tỷ đồng)	Thanh khoản (tỷ đồng)	EPS fw (VND)	P/E fw	NN sở hữu	ROE (%)	Link tài báo cáo
C4G	Xây dựng	8.7	0.34%	1.6	3,119	4.3	700	12.5	0.03%	4.68%	
PLC	Dầu khí	26.0	-1.14%	1.5	2,101	8.1	1,386	18.8	0.39%	3.37%	Link
GVR	BĐS KCN	33.4	2.14%	2.2	133,600	215.5	859	38.9	0.49%	8.18%	
BSR	Dầu khí	20.5	0.99%	0.0	63,405	108.6	91	224.9	0.44%	1.11%	
ANV	Thủy sản	17.6	0.00%	1.7	4,686	39.4	1,082	16.3	0.71%	1.71%	
QTP	Tiện ích	13.9	-0.08%	0.6	6,250	14.2	1,110	12.5	0.84%	12.52%	
HUT	Xây dựng	16.8	-1.18%	1.7	14,994	23.2	728	23.1	1.28%	1.59%	
CSV	Hóa chất	43.6	0.23%	1.6	4,812	77.6	1,891	23.0	1.80%	16.53%	
SZC	BĐS KCN	45.6	-1.30%	1.7	8,207	71.2	1,268	36.0	2.35%	12.48%	Link
LCG	Xây dựng	10.7	0.00%	1.9	2,066	24.8	678	15.8	2.40%	5.22%	
EIB	Ngân hàng	21.3	2.40%	1.0	39,676	621.6	2,225	9.6	2.82%	13.99%	Link
VSC	Logistics	18.4	-0.54%	1.5	5,263	41.1	893	20.6	2.84%	12.30%	
DIG	BĐS	19.9	0.25%	1.5	12,136	268.4	1,246	16.0	3.99%	1.36%	
CEO	BĐS	14.6	-1.35%	1.6	7,890	81.1	278	52.6	4.35%	3.16%	
IJC	BĐS	14.8	-0.34%	1.7	5,591	51.2	1,353	10.9	4.83%	7.91%	
SIP	BĐS KCN	91.0	0.55%	0.0	19,159	36.4	3,766	24.2	4.84%	29.47%	
VIB	Ngân hàng	20.8	0.48%	0.9	61,817	268.0	3,235	6.4	4.99%	18.17%	
SHS	Chứng khoán	14.3	0.00%	2.2	11,628	127.1	1,019	14.0	5.61%	9.43%	
VGC	BĐS KCN	52.1	-0.19%	1.8	23,359	46.4	1,981	26.3	5.63%	13.67%	
VTP	Logistics	153.9	4.13%	0.0	18,742	137.2	3,038	50.7	6.71%	24.12%	
HHV	Xây dựng	12.7	-1.56%	1.7	5,468	96.1	935	13.5	6.78%	4.78%	Link
GEX	Tiện ích	22.8	0.89%	2.2	19,552	193.2	1,788	12.7	7.49%	12.33%	Link
DBC	Bán lẻ	29.6	0.51%	1.9	9,906	251.6	2,181	13.6	8.64%	13.46%	Link
PDR	BĐS	19.9	0.51%	1.9	17,375	246.5	1,008	19.7	7.67%	5.00%	Link
NKG	VLXD	15.9	2.91%	1.6	7,116	296.4	751	21.2	7.91%	8.02%	Link
DRC	Cao su	28.2	-0.35%	1.0	3,350	23.0	1,919	14.7	8.67%	12.30%	Link
DPM	Phân bón	36.7	-0.68%	1.5	14,362	94.7	1,385	26.5	9.10%	5.30%	Link
VND	Chứng khoán	13.6	-0.37%	1.9	20,703	167.2	1,327	10.3	10.68%	9.49%	
PVT	Logistics	26.7	0.95%	1.3	9,506	109.0	2,135	12.5	12.37%	15.07%	
QNS	Bán lẻ	50.4	-0.11%	0.9	18,545	15.5	3,648	13.8	12.80%	25.58%	
HAH	Logistics	53.2	0.38%	1.6	6,455	110.4	2,390	22.3	12.72%	21.91%	Link
PC1	Tiện ích	24.0	-1.64%	1.6	8,583	58.9	1,468	16.4	15.65%	8.61%	
TNG	Dệt may	23.5	0.86%	1.1	2,881	34.2	2,529	9.3	16.17%	17.47%	
HDB	Ngân hàng	23.1	-0.65%	0.9	80,561	287.8	3,628	6.4	17.31%	25.79%	Link
PLX	Dầu khí	43.6	1.40%	1.0	55,334	75.3	1,826	23.9	17.44%	11.12%	Link
VRE	BĐS	17.4	1.16%	1.3	39,538	202.6	1,945	9.0	17.66%	10.27%	
PHR	BĐS KCN	66.1	0.30%	1.3	8,956	80.1	1,810	36.5	18.80%	12.69%	
DXG	BĐS	16.3	2.19%	1.6	14,195	366.2	260	62.8	19.49%	2.54%	Link
KBC	BĐS KCN	29.7	-0.67%	1.7	22,798	152.8	5,211	5.7	19.33%	2.32%	
HDG	Tiện ích	28.2	-0.53%	1.5	9,468	58.0	2,890	9.7	20.03%	9.41%	
PTB	VLXD	61.4	2.16%	1.0	4,110	14.2	5,521	11.1	23.42%	13.18%	Link
VCI	Chứng khoán	36.5	-0.95%	1.8	26,175	239.4	780	46.7	25.80%	8.97%	
MSB	Ngân hàng	11.4	-0.44%	1.3	29,510	69.7	2,092	5.4	27.54%	16.21%	Link
TPB	Ngân hàng	16.7	-1.18%	1.0	44,121	343.1	2,271	7.4	30.00%	17.27%	
FRT	Bán lẻ	183.0	-0.81%	1.0	24,932	106.2	5,285	34.6	34.04%	18.09%	
DHC	Hóa chất	35.3	0.00%	1.1	2,837	10.6	3,727	9.5	39.57%	12.58%	Link
BSI	Chứng khoán	53.8	-0.19%	1.9	12,001	52.4	1,973	27.3	41.19%	8.48%	
HCM	Chứng khoán	31.2	-1.27%	1.8	22,427	300.3	1,611	19.3	43.54%	11.09%	
CTD	Xây dựng	92.0	-1.71%	1.4	9,194	221.1	4,303	21.4	49.00%	4.36%	Link
REE	Tiện ích	72.4	-2.16%	1.0	34,101	77.3	5,115	14.2	49.00%	11.01%	
BMP	VLXD	119.5	-1.40%	1.0	9,782	21.4	12,582	9.5	82.88%	36.75%	

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistics, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2025	x		Click
2	Triển vọng VMTT 2025_Đổi mới 2.0 - Thách thức và Cơ hội	x		Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 12/2024	x		Click
6	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 11/2024	x		Click
7	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 10/2024	x		Click
8	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 9/2024	x		Click
9	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 8/2024	x		Click
10	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 6/2024	x		Click
11	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 5/2024	x		Click
12	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
13	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
14	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
15	BSC_ Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
16	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
17	Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2024		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2024		x	Click
19	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
20	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
21	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
24	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
25	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2025 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Trần Thăng Long

Giám đốc Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Longtt@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Vĩ mô – Thị trường

Khoabn@bsc.com.vn

Đỗ Thu Phương

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Định lượng

Phuongdt@bsc.com.vn

Phan Quốc Bửu

PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Ngành – Doanh nghiệp

Buupq@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích

Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích

Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích

Thaopt1@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích

Anhng@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc

Chuyên viên phân tích

Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place

Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM

Tel: (028) 3821 8885

Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(024) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(024) 39264 659 ☎

Đối với Khách hàng cá nhân

i-center@bsc.com.vn

(024) 39264 660

Website: <http://www.bsc.com.vn>